

Số: 2304 /QĐ-UB

Bắc Kạn, ngày 25 tháng 11 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v Ban hành bổ sung đơn giá một số tài sản, nhà cửa, vật kiến trúc
sử dụng trong công tác đền bù GPMB các công trình trên địa bàn tỉnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 1994;
- Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/8/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;
- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 601/KT-XD ngày 05/11/2002 v/v bổ sung đơn giá TS, VKT trong công tác đền bù GPMB,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành bổ sung đơn giá một số tài sản, nhà cửa, vật kiến trúc sử dụng trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng các công trình XD/CB trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như biểu chi tiết kèm theo.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông, bà: Chánh Văn phòng HĐND - UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị, các chủ đầu tư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhân:

- Như điều 2 (t/h).
- TT Tỉnh uỷ (b/c)
- TT HĐND, UBND tỉnh.
- LĐVP.
- Lưu: VT-TH-KTTH.

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN



**K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
HÀ ĐỨC TOẠI**

110

BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG GIÁ MỘT SỐ TÀI SẢN, NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC
(Kèm theo Quyết định số: 2304/QĐ-UBND ngày 22/11/2002 của UBND tỉnh)



Đơn vị: Đồng.

Số TT	Loại TS, Nhà cửa vật kiến trúc	Đơn vị	Đơn giá	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Nhà sàn (loại 36 cột)	M ² XD	300.000	
2	Nhà cột tre, vách đất lợp ngói	M ² XD	110.000	
3	Nhà cột tre, vách toóc xi (hoặc gỗ) lợp ngói	M ² XD	125.000	
4	Nhà cột gỗ, vách gỗ(hoặc toóc xi) lợp lá cọ	M ² XD	174.000	
5	Nhà cột gỗ, vách đất lợp lá cọ, tranh	M ² XD	164.000	
6	Nhà cột gỗ, vách đất mái PhibroXM	M ² XD	178.000	
7	Chuông trâu cột gỗ lợp lá cọ, tranh, khung xuyên	M ² XD	98.000	
8	Giếng đào ĐK trung bình 800 < ϕ < 1200	Md	50.000	Chưa có cuốn, xây.
9	Sàn phơi (Cạnh nhà sàn) gỗ + tre, vầu	M ² XD	30.000	
10	Chuông lợn, gà cột tre lợp lá	M ² XD	30.000	
11	Khối đào ao	M ³	18.400	
12	Giếng khoan đường kính TB ϕ 32	Md	70.000	Chưa tính ống.
13	Nền cơ vôi	M ²	20.000	
14	Láng nền Xi măng(Không có gạch vỡ đệm)	M ²	11.000	
15	Trần nhựa LD không hoa văn	M ²	78.500	
16	Bán mái lợp bằng lá cọ, tranh	M2	17.000	
17	Bán mái lợp bằng PhibroXM	M2	29.100	
18	Trần xốp	M2	40.000	
19	Lát gạch lá nem (10x20 LD) sân, nền	M2	47.200	
20	Ốp tường gạch men kính TQ	M2	84.300	

Ghi chú: - Đối với đơn giá các loại nhà tạm, nhà sàn trong đơn giá mới tính là nền đất; Nếu có thêm hạng mục xây, ốp, lát, láng được tính thêm.

- Trường hợp công trình, hạng mục công trình phát sinh ngoài đơn giá có khác biệt không nhiều so với các đơn giá trên thì xem xét vận dụng mức giá cụ thể cho phù hợp./

[Signature]